

Số: 92 /KH-THCSNTR

Tam Mỹ Đông, ngày 01 tháng 10 năm 2022

KẾ HOẠCH TỔ CHỨC DẠY HỌC 2 BUỔI/NGÀY NĂM HỌC 2022 - 2023

Căn cứ công văn 7291/BGDĐT-GDTrH ngày 01 tháng 11 năm 2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn dạy học 2 buổi/ngày đối với các trường trung học;

Căn cứ thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn dạy thêm, học thêm đối với các trường trung học;

Căn cứ Quyết định 2094/QĐ-UBND ngày 10/8/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học 2022-2023 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Công văn số 1814/SGDĐT-GDTrH ngày 30/8/2022 Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ Giáo dục trung học năm học 2022-2023;

Căn cứ Công văn số: 523/PGDĐT-THCS ngày 07/9/2022 của Phòng GD&ĐT huyện Núi Thành về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục THCS năm học 2022-2023;

Căn cứ với tình hình thực tế, trường THCS Nguyễn Trãi xây dựng kế hoạch chuyên môn năm học 2022-2023 như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Thuận lợi và khó khăn

** Thuận lợi*

- Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ cho việc đổi mới hoạt động dạy và học của của UBND huyện Núi Thành, Phòng giáo dục và Đào tạo, UBND xã Tam Mỹ Đông và Ban đại diện Cha mẹ học sinh.

- Trường có đủ phòng học, đồ dùng giảng dạy đáp ứng yêu cầu dạy học 2 buổi/ngày.

- Ban đại diện Cha mẹ học sinh luôn quan tâm đến nhà trường, luôn có những đóng góp tích cực và giới thiệu người cùng tham gia các hoạt động dạy học, giáo dục của nhà trường trong những điều kiện, hoàn cảnh phù hợp giúp giáo dục học sinh hiệu quả.

Trong những năm gần đây chất lượng giáo dục toàn diện và giáo dục mũi nhọn đã có sự chuyển biến đáng kể. Trường có đội ngũ giáo viên có tay nghề vững vàng, nhiệt tình, tâm huyết, yêu nghề có tinh thần trách nhiệm cao có ý thức vươn lên trong chuyên môn. Một số cán bộ, giáo viên đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua, giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh, huyện. Tham gia đầy đủ các phong trào do cấp trên tổ chức và đạt nhiều thành tích cao.

- Hầu hết cha mẹ học sinh quan tâm đến việc học tập của con em mình.

* *Khó khăn*

- Một bộ phận cán bộ, giáo viên, nhân viên thực tế năng lực chưa đáp ứng đúng tầm yêu cầu đổi mới trong thời đại 4.0 hiện nay, còn nhiều khó khăn trong tiếp cận với UDCNTT. Học sinh học theo quan điểm phát huy tính tích cực chủ động, năng lực tự học của học sinh chưa được phát huy đúng mức.

- Hệ thống cơ sở vật chất – kỹ thuật phục vụ giảng dạy học tập, sinh hoạt vẫn còn nghèo nàn, lạc hậu chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới. (thiếu nhà tập đa năng, phòng học bộ môn, thiết bị dạy học, phòng làm việc, bàn ghế hợp qui cách, ...)

- Cho đến nay các công trình thiết yếu trong nhà trường như nhà để xe, nhà vệ sinh cho HS vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu, chưa phù hợp với sự phát triển.

- Chất lượng giáo dục mũi nhọn có tăng lên hằng năm nhưng chưa ổn định, chưa vững chắc. Công tác giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống cho học sinh còn nhiều bất cập, hạn chế. Tình trạng học sinh vi phạm pháp luật, có hành vi không mong đợi còn khá phổ biến. Tỷ lệ học sinh bỏ học hằng năm tuy có hạn chế nhưng vẫn còn có nguy cơ cao, chưa có giải pháp ngăn chặn hữu hiệu.

- Nhiều học sinh có hoàn cảnh khó khăn, cha mẹ ly hôn, ít được sự quan tâm của phụ huynh; một số học sinh có điều kiện kinh tế khá giả thì phụ huynh lại nuông chiều quá mức; một số học sinh chưa thực sự chăm học, bỏ tiết... Thực tế đó gây không ít khó khăn cho nhà trường trong hoạt động dạy và học; .

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy còn gặp nhiều khó khăn đối với một số giáo viên lớn tuổi; Website của nhà trường, Sổ LLĐT... chưa phát huy được tác dụng do số gia đình HS có internet còn ít.

- Nguồn kinh phí duy trì các CLB còn khó khăn.

2 Tình hình đội ngũ giáo viên và học sinh

2.1. Đội ngũ giáo viên:

Tổng số: 29 người, Nữ: 17 người

Trong đó: - BGH: 02 Hiệu trưởng: 1/0 nữ; P. Hiệu trưởng: 1/1 nữ

- Giáo viên: 21/12 Nữ – GV người dân tộc: 0 người (nữ: 0 người)

Chia ra theo bộ môn: Toán: 03, Lý: 01, Hóa: 02, Sinh: 01, Tin: 01, Văn: 04 (01 hợp đồng), Sử: 02, Địa: 01, Thể dục: 02, Ngoại ngữ: 02, Mỹ thuật: 01, Công nghệ: 01.

- TPT Đội: 1 người (Nam: 01 người_ Hợp đồng)

- Nhân viên: 5 người (nữ: 4 người)

Ghi chú: Tỷ lệ gv/lớp: 1,75.

2.2. Học sinh

| Khối lớp | Số lớp, số học sinh | | | | |
|------------------|---------------------|------------|------------|-----------|------------|
| | Số lớp | Tổng số | Nữ | Dân tộc | Nữ dân tộc |
| 6 | 3 | 102 | 46 | | |
| 7 | 3 | 98 | 50 | | |
| 8 | 3 | 101 | 47 | 01 | 0 |
| 9 | 3 | 93 | 48 | | |
| Tổng cộng | 12 | 394 | 201 | 01 | 00 |

2.3. Chất lượng Dạy học – Giáo dục

- Về học lực:

| TT | LỚP | SĨ SỐ | HS NỮ | | TỐT | | KHÁ | | ĐẠT | | CHƯA ĐẠT | |
|------------------|-----|-----------|-----------|---------------|-----------|---------------|-----------|---------------|-----------|---------------|----------|--------------|
| | | | SL | TL | SL | TL | SL | TL | SL | TL | SL | TL |
| TỔNG CỘNG | | 96 | 50 | 52,08% | 31 | 32,29% | 29 | 30,21% | 32 | 33,33% | 4 | 4,17% |
| Khối 6 | | 96 | 50 | 52,08% | 31 | 32,29% | 29 | 30,21% | 32 | 33,33% | 4 | 4,17% |
| | 6/1 | 32 | 16 | 50,00% | 11 | 34,38% | 9 | 28,13% | 12 | 37,50% | 0 | 0,00% |
| | 6/2 | 32 | 17 | 53,13% | 12 | 37,50% | 7 | 21,88% | 10 | 31,25% | 3 | 9,38% |
| | 6/3 | 32 | 17 | 53,13% | 8 | 25,00% | 13 | 40,63% | 10 | 31,25% | 1 | 3,13% |

| STT | LỚP | SĨ SỐ | HS NỮ | | GIỎI | | KHÁ | | TRUNG BÌNH | | YẾU | | KÉM | |
|------------------|-----|------------|------------|---------------|-----------|---------------|------------|---------------|------------|---------------|----------|--------------|----------|--------------|
| | | | SL | TL | SL | TL | SL | TL | SL | TL | SL | TL | SL | TL |
| TỔNG CỘNG | | 277 | 145 | 52,35% | 72 | 25,99% | 124 | 44,77% | 76 | 27,44% | 5 | 1,81% | 0 | 0,00% |
| Khối 7 | | 98 | 56 | 57,14% | 31 | 31,63% | 38 | 38,78% | 26 | 26,53% | 3 | 3,06% | 0 | 0,00% |
| 1 | 7/1 | 33 | 19 | 57,58% | 12 | 36,36% | 11 | 33,33% | 9 | 27,27% | 1 | 3,03% | 0 | 0,00% |
| 2 | 7/2 | 32 | 19 | 59,38% | 7 | 21,88% | 17 | 53,13% | 8 | 25,00% | 0 | 0,00% | 0 | 0,00% |
| 3 | 7/3 | 33 | 18 | 54,55% | 12 | 36,36% | 10 | 30,30% | 9 | 27,27% | 2 | 6,06% | 0 | 0,00% |
| Khối 8 | | 93 | 48 | 51,61% | 25 | 26,88% | 35 | 37,63% | 31 | 33,33% | 2 | 2,15% | 0 | 0,00% |
| 4 | 8/1 | 31 | 16 | 51,61% | 4 | 12,90% | 18 | 58,06% | 9 | 29,03% | 0 | 0,00% | 0 | 0,00% |
| 5 | 8/2 | 31 | 16 | 51,61% | 10 | 32,26% | 8 | 25,81% | 12 | 38,71% | 1 | 3,23% | 0 | 0,00% |
| 6 | 8/3 | 31 | 16 | 51,61% | 11 | 35,48% | 9 | 29,03% | 10 | 32,26% | 1 | 3,23% | 0 | 0,00% |
| Khối 9 | | 86 | 41 | 47,67% | 16 | 18,60% | 51 | 59,30% | 19 | 22,09% | 0 | 0,00% | 0 | 0,00% |
| 7 | 9/1 | 43 | 20 | 46,51% | 6 | 13,95% | 25 | 58,14% | 12 | 27,91% | 0 | 0,00% | 0 | 0,00% |
| 8 | 9/2 | 43 | 21 | 48,84% | 10 | 23,26% | 26 | 60,47% | 7 | 16,28% | 0 | 0,00% | 0 | 0,00% |

So với cùng kỳ năm trước: Giỏi tăng 3,57%, Khá giảm 5,5%, Trung bình tăng 2,33 %, yếu giảm 0,085%, Không có học sinh kém.

* Tồn tại: Một số học sinh còn lơ là trong học tập, bỏ học nhiều ngày, không tham gia học phụ đạo đầy đủ.

- Kết quả kiểm tra lại sau lên lớp: 7/8 học sinh được lên lớp, 01 học sinh lưu ban. 01 học sinh ở lại lớp hẳn.

- Về rèn luyện:

| STT | LỚP | SĨ SỐ | HS NỮ | | TỐT | | KHÁ | | ĐẠT | | CHƯA ĐẠT | |
|-----|-----|-------|-------|----|-----|----|-----|----|-----|----|----------|----|
| | | | SL | TL | SL | TL | SL | TL | SL | TL | SL | TL |

| | | | | | | | | | | | | |
|------------------|-----------|-----------|---------------|-----------|---------------|-----------|---------------|----------|--------------|----------|--------------|-------|
| TỔNG CỘNG | 96 | 50 | 52,08% | 85 | 88,54% | 11 | 11,46% | 0 | 0,00% | 0 | 0,00% | |
| Khối 6 | 96 | 50 | 52,08% | 85 | 88,54% | 11 | 11,46% | 0 | 0,00% | 0 | 0,00% | |
| 1 | 6/1 | 32 | 16 | 50,00% | 29 | 90,63% | 3 | 9,38% | 0 | 0,00% | 0 | 0,00% |
| 2 | 6/2 | 32 | 17 | 53,13% | 28 | 87,50% | 4 | 12,50% | 0 | 0,00% | 0 | 0,00% |
| 3 | 6/3 | 32 | 17 | 53,13% | 28 | 87,50% | 4 | 12,50% | 0 | 0,00% | 0 | 0,00% |

| STT | LỚP | SĨ SỐ | HS NỮ | | TỐT | | KHÁ | | TRUNG BÌNH | | YẾU | |
|------------------|-----|------------|------------|---------------|------------|---------------|-----------|---------------|------------|--------------|----------|--------------|
| | | | SL | TL | SL | TL | SL | TL | SL | TL | SL | TL |
| TỔNG CỘNG | | 277 | 145 | 52,35% | 239 | 86,28% | 34 | 12,27% | 3 | 1,08% | 1 | 0,36% |
| Khối 7 | | 98 | 56 | 57,14% | 83 | 84,69% | 15 | 15,31% | 0 | 0,00% | 0 | 0,00% |
| 1 | 7/1 | 33 | 19 | 57,58% | 27 | 81,82% | 6 | 18,18% | 0 | 0,00% | 0 | 0,00% |
| 2 | 7/2 | 32 | 19 | 59,38% | 30 | 93,75% | 2 | 6,25% | 0 | 0,00% | 0 | 0,00% |
| 3 | 7/3 | 33 | 18 | 54,55% | 26 | 78,79% | 7 | 21,21% | 0 | 0,00% | 0 | 0,00% |
| Khối 8 | | 93 | 48 | 51,61% | 81 | 87,10% | 9 | 9,68% | 2 | 2,15% | 1 | 1,08% |
| 4 | 8/1 | 31 | 16 | 51,61% | 28 | 90,32% | 3 | 9,68% | 0 | 0,00% | 0 | 0,00% |
| 5 | 8/2 | 31 | 16 | 51,61% | 25 | 80,65% | 4 | 12,90% | 1 | 3,23% | 1 | 3,23% |
| 6 | 8/3 | 31 | 16 | 51,61% | 28 | 90,32% | 2 | 6,45% | 1 | 3,23% | 0 | 0,00% |
| Khối 9 | | 86 | 41 | 47,67% | 75 | 87,21% | 10 | 11,63% | 1 | 1,16% | 0 | 0,00% |
| 7 | 9/1 | 43 | 20 | 46,51% | 36 | 83,72% | 7 | 16,28% | 0 | 0,00% | 0 | 0,00% |
| 8 | 9/2 | 43 | 21 | 48,84% | 39 | 90,70% | 3 | 6,98% | 1 | 2,33% | 0 | 0,00% |

So với cùng kỳ năm học trước: Tốt tăng 1,2 %, Khá giảm 1,2%, Trung bình giảm 0,25%, yếu tăng 0,27%.

2.4. Tình hình Cơ sở vật chất

- Diện tích khuôn viên trường: 13.353m². Diện tích bình quân: 37m²/HS.

- Tổng số phòng học: 11 Trong đó phòng học kiên cố 11.

| Diện tích trường | Số lớp học | Số phòng thí nghiệm | Số phòng nghe nhìn | Số phòng vi tính | Số phòng khác | Diện tích nhà ăn | Diện tích khu bán trú |
|----------------------|------------|---------------------|--------------------|------------------|---------------|------------------|-----------------------|
| 13.353m ² | 10 | 3 | 0 | 1 | 2 | 0 | 0 |

- Điều kiện giảng dạy:

+ Nhà đa năng: Chưa có

+ Phòng thí nghiệm - thực hành: Gồm 3 phòng Lý, Hóa, Sinh với diện tích 53.2m² mỗi phòng, trang thiết bị dạy học theo CT 2018 chưa đảm bảo.

+ Phòng Bộ môn: Chưa có. Môn Âm nhạc dạy tại phòng Hội trường.

+ Phòng dạy Tin học: Phòng xuống cấp, hết niên hạn. Gồm 1 phòng với tổng số máy là 25 máy tính được kết nối Internet, đảm bảo yêu cầu dạy và học.

- Tình trạng phòng học: Đúng chuẩn theo quy định.

- Thiết bị chiếu sáng: Mỗi phòng gồm 04 đèn U công suất 20W.

- Thiết bị tạo sự thông thoáng: Mỗi phòng có gắn 05 quạt, trong đó có 4 quạt xoay tạo sự thông thoáng cho phòng học.
- Cơ sở vật chất, phòng học, thiết bị được bố trí phù hợp đảm bảo đủ ánh sáng và thoáng mát cho học sinh học tập.
- Nhà trường có đủ các điều kiện về cơ sở vật chất đảm bảo cho việc dạy 2 buổi/ngày.

II. KẾ HOẠCH DẠY 2 BUỔI/NGÀY.

1. Mục đích của việc dạy 2 buổi/ngày:

Việc dạy học 2 buổi/ngày ở trường trung học nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục; đáp ứng nhu cầu của gia đình và xã hội trong việc quản lý, giáo dục học sinh; tăng cường giáo dục kỹ năng sống; thực hiện đổi mới dạy học theo chủ đề tích hợp, dạy học theo định hướng phát triển năng lực cho học sinh.

2. Nguyên tắc và yêu cầu đối với việc tổ chức dạy học 2 buổi/ngày

- Việc tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đáp ứng cho đối tượng học sinh có nhu cầu, cha mẹ học sinh tự nguyện cho con em tham gia học tập; được sự đồng ý của cấp trên có thẩm quyền.

- Chỉ được tổ chức vào các ngày trong tuần (từ thứ 2 đến thứ 7); không gây “quá tải” đối với học sinh.

- Nhà trường tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đảm bảo hoàn thành kế hoạch giáo dục được giao, đảm bảo chất lượng và hiệu quả (Có TKB kèm theo).

- Có tối thiểu số lượng giáo viên theo quy định tại Thông tư số 35/2006/TTLT-BGDĐT-BNV đảm bảo tỉ lệ giáo viên trên lớp 1,81

- Về cơ sở vật chất: Trường phải có đủ phòng thông thường, phòng học bộ môn, thư viện, sân chơi, bãi tập đáp ứng cho các hoạt động dạy và học, hoạt động giáo dục khác theo định hướng trường đạt chuẩn quốc gia.

- Về thu chi tài chính: Phải đảm bảo công khai, minh bạch trong thu, chi và yêu cầu phát triển năng khiếu cho học sinh; điều kiện cơ sở vật chất phục vụ cho việc tổ chức học tập.

Như vậy, qua đối chiếu đặc điểm tình hình nhà trường với các yêu cầu dạy học 2 buổi/ngày cho thấy Trường THCS Nguyễn Trãi đã đáp ứng đủ các yêu cầu trên, đảm bảo cho việc dạy 2 buổi/ ngày.

3. Nội dung dạy 2 buổi/ngày

3.1. Đối tượng học, thời gian

- Đối tượng là học sinh khối 6, 7, 8, 9 trong toàn trường.

- Thời gian mở lớp:

+ Học kỳ I: Bắt đầu từ 5 tháng 9 năm 2022 đến hết Học kỳ I.

+ Học kỳ II: Từ 17 tháng 01 năm 2023 đến hết năm học.

3.2. Số lớp dạy 2 buổi/ngày: 12 lớp với tổng số 394 học sinh.

Cụ thể

- Khối 6: 3 lớp; 102/46 em;
- Khối 7: 3 lớp; 98/50 em;
- Khối 8: 3 lớp; 101/47 em;
- Khối 9: 2 lớp; 93/48 em;

3.3. Kế hoạch giáo dục

3.3.1. Ngoài những tiết trong kế hoạch dạy học chính khóa theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo, ở buổi 2 học sinh sẽ được luyện tập, ôn tập và nâng cao để bổ sung kiến thức kỹ năng ở các môn: Toán, Lý, Hóa, Sinh, Văn, Sử, Địa, Anh, Tin học, Thể dục..

3.3.2. Tổ chức lớp bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu theo Kế hoạch số: 88/KH-THCS ngày 26 tháng 09 năm 2022 của trường THCS Nguyễn Trãi (*đính kèm*).

3.3.3. Bên cạnh việc ôn tập theo chương trình bám sát nhà trường tổ chức cho học sinh đăng ký thi theo các môn học để nâng cao kiến thức theo chương trình bồi dưỡng học sinh giỏi.

3.4. Thời gian biểu

- Số tiết dạy buổi sáng: 5 tiết;
- Số tiết dạy buổi chiều: 4 tiết;

Cụ thể:

Khối 6: dạy các buổi chiều thứ Hai, Năm

Khối 7: dạy các buổi chiều thứ Hai, Tư

Khối 8: dạy các buổi chiều thứ Tư, Năm

Khối 9: dạy các buổi chiều thứ Tư, Năm

Riêng chiều thứ 3, thứ 6 dạy BDHSG các môn khối 6,7,8.

3.5. Nội dung giảng dạy

Giáo viên giảng dạy xây dựng nội dung luyện tập đảm bảo các yêu cầu:

+ Giúp đỡ học sinh yếu kém các môn Văn, Toán, Anh, Lý, Hóa và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu ở các môn học ở các môn: Văn, Toán, Anh, Lý, Hóa, Sinh, Sử, Địa, Tin. Nội dung ôn luyện cụ thể ở từng lớp cần được trao đổi trong tổ bộ môn, nhóm chuyên môn tập trung vào những kiến thức, kỹ năng đã học theo chương trình của từng tuần học theo kế hoạch dạy học do Tổ chuyên môn xây dựng trên cơ sở đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng và thời lượng dạy học.

+ Các tổ chuyên môn phân công giáo viên tham khảo tài liệu, chọn lọc nội dung dạy học cụ thể, phù hợp với điều kiện dạy học, không vượt quá yêu cầu cơ bản về kiến thức, kỹ năng của học sinh.

+ Các nhóm chuyên môn thống nhất nội dung dạy học và hiệu trưởng nhà trường phê duyệt nội dung dạy đối với các Tổ, Khối và thực hiện thống nhất trong năm học.

- + Ôn tập, hệ thống kiến thức cơ bản.
- + Bồi dưỡng, mở rộng, nâng cao kiến thức.
- + Rèn luyện kỹ năng.
- + Khắc sâu thêm kiến thức trong chương trình học.
- + Hướng dẫn học sinh phương pháp tự học, tự đánh giá.

3.6. Giáo án

Giáo viên dạy học xây dựng giáo án theo hướng dẫn phù hợp đặc điểm của môn học. Soạn đủ số tiết dạy theo quy định dạy học 2 buổi/ngày; giáo án soạn đảm bảo đúng nội dung theo chương trình do Tổ chuyên môn xây dựng và đã được hiệu trưởng nhà trường phê duyệt theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo.

3.7. Hồ sơ, sổ sách theo dõi hoạt động dạy học 2 buổi/ngày.

Mỗi lớp có Sổ ghi đầu bài để theo dõi nền nếp dạy và học tại lớp theo kế hoạch 2 buổi/ngày. Hiệu trưởng thường xuyên tổ chức kiểm tra, theo dõi hoạt động dạy học của giáo viên và học sinh. Các Tổ chuyên môn, các bộ phận có trách nhiệm theo dõi tiến độ thực hiện hoạt động dạy học 2 buổi/ngày đảm bảo đúng kế hoạch.

Giáo viên, các bộ phận trách các hoạt động giáo dục, năng khiếu thường xuyên theo dõi, ghi nhận kết quả học tập, rèn luyện của học sinh để đánh giá và thông báo tới cha mẹ học sinh trong các kỳ họp cha mẹ học sinh trong năm học.

4. Mức thu: Nhà trường thực hiện theo công văn số Số: 159 /PGDDT Núi Thành, ngày 29 tháng 8 năm 2022 V/v thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo năm học 2022-2023, chấn chỉnh tình trạng lạm thu trong các cơ sở giáo dục và chỉ đạo điều hành giá năm 2021.

Ngoài ra nhà trường thực hiện việc miễn, giảm cho con em gia đình thuộc đối tượng chính sách, con mồ côi cả cha, mẹ, gia đình khó khăn theo hướng dẫn thực hiện các qui định về miễn giảm học phí.

5. Danh sách giáo viên tham gia dạy học buổi 2.

| STT | Họ và tên | Trình độ | Môn dạy | Thời gian dạy |
|-----|-----------------------|----------|-----------|---------------|
| 1 | Huỳnh Phúc Chinh | ĐHSP | Toán | 2tiết/ tuần |
| 2 | Võ Cảnh Từ | CĐSP | Toán | 3tiết/ tuần |
| 3 | Bùi Văn An | ĐHSP | Toán | 2tiết/ tuần |
| 4 | Vương Thị Thúy Hằng | ĐHSP | Ngữ Văn | 2tiết/ tuần |
| 5 | Nguyễn Thị Kim Phượng | ĐHSP | Ngữ Văn | 3tiết/ tuần |
| 6 | Võ Thị Thu Vĩnh | ĐHSP | Ngữ Văn | 2tiết/ tuần |
| 7 | Nguyễn Văn Vỹ | ĐHSP | Tiếng Anh | 4tiết/ tuần |
| 8 | Huỳnh Thị Tường Vi | ĐHSP | Tiếng Anh | 4tiết/ tuần |
| 9 | Nguyễn Thị Phúc | CĐSP | Lịch sử | 3tiết/ tuần |
| 10 | Phan Hương | ĐHSP | Địa lí | 3tiết/ tuần |
| 11 | Huỳnh Văn Phương | ĐHSP | Vật lí | 3tiết/ tuần |

| | | | | |
|----|--------------------|------|-----------|------------------|
| 12 | Đoàn Thị Khương | ĐHSP | Hóa học | 3tiết/ tuần |
| 13 | Nguyễn Thị Mai | ĐHSP | Hóa học | 3tiết/ tuần |
| 14 | Lê Thị Mỹ | ĐHSP | Sinh học | 3tiết/ tuần |
| 15 | Huỳnh Thị Tường Vi | ĐHSP | Tiếng Anh | CLB Tiếng Anh |
| 16 | Lê Như Hưng | ĐHSP | TPT | CLB Quyền trẻ em |
| 17 | Châu Ngọc Hữu | ĐHSP | TDTT | CLB TDTT |
| 18 | Trần Đăng Quang | ĐHSP | TDTT | CLB TDTT |

III. GIẢI PHÁP:

Nhà trường tổ chức cho cán bộ công chức, viên chức nghiên cứu các văn bản hướng dẫn và nội dung của kế hoạch này đồng thời tiến hành những nội dung cụ thể sau:

- Hiệu trưởng nghiên cứu chương trình, phân công người phụ trách để có phương án, kế hoạch cũng như lập thời khóa biểu chi tiết cho việc tổ chức dạy học 2 buổi/ngày.

- Giáo viên, Tổ chuyên môn, các bộ phận xây dựng nội dung, kế hoạch dạy học, giáo dục, bồi dưỡng theo hướng dẫn của Bộ và của Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Trong tổ chức thực hiện phải tuyệt đối thực hiện nghiêm túc nội dung, kế hoạch và thời gian mà nhà trường sắp xếp.

- Hiệu trưởng có kế hoạch kiểm tra nội bộ nhà trường về nội dung dạy học 2 buổi/ngày, tổ chức đánh giá rút kinh nghiệm trong việc thực hiện dạy 2 buổi/ngày, đặc biệt là nền nếp dạy học, giáo dục ở buổi thứ 2.

Nhà trường quan tâm thực hiện các giải pháp sau:

1. Giải pháp thứ nhất: *Nâng cao nhận thức cho đội ngũ*

Nhà trường phổ biến văn bản của ngành yêu cầu nhiệm vụ của việc dạy 2 buổi/ngày là củng cố và nâng cao chất lượng dạy học, giáo dục.

Hiệu trưởng nhà trường xây dựng kế hoạch sát với thực tiễn và báo cáo các cấp quản lý, nắm rõ mục đích nội dung của dạy 2 buổi/ngày: Như khả năng về đội ngũ giáo viên, phòng học, các điều kiện để phục vụ dạy và học.

Ông: Bùi Văn Quang phụ trách giải pháp này.

2. Giải pháp thứ hai: *Tăng cường các nguồn lực*

Bố trí đủ phòng học, cơ sở vật chất để tổ chức dạy 2 buổi/ngày

Bố trí sử dụng đội ngũ: Đây là vấn đề trọng yếu nhất, đội ngũ giáo viên cần được phân công phù hợp với năng lực và trình độ được đào tạo, kinh nghiệm tổ chức dạy học của giáo viên. Thường xuyên tổ chức sinh hoạt chuyên môn để trao đổi, thảo luận và bàn biện pháp nâng cao hiệu quả giờ dạy cũng như các tiết ôn tập và các hoạt động giáo dục cho học sinh.

Huy động nguồn đóng góp từ các mạnh thường quân (theo Thông tư số 29/2012/TT-BGDĐT ngày 10/09/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo) để hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động dạy học, giáo dục của nhà trường.

Ông: Bùi Văn Quang phụ trách giải pháp này.

3. Giải pháp thứ ba: *Giải pháp về tổ chức dạy và học*

- Giáo viên xây dựng kế hoạch bám sát với đối tượng học sinh của khối lớp mình phụ trách, nội dung kiến thức của từng môn học đảm bảo vừa sức với học sinh.

- Giáo viên phải tôn trọng nội dung dạy học; Xây dựng kế hoạch dạy học và tổ chức thực hiện đúng theo kế hoạch.

- Đảm bảo giờ giấc dạy học, giáo dục: dạy đủ thời lượng trên lớp theo đúng quy định, tổ chức các hoạt động theo đúng kế hoạch.

Giao Tổ trưởng chuyên môn giám sát việc xây dựng kế hoạch dạy học và phối hợp với cán bộ quản lý kiểm tra việc thực hiện dạy học.

Bà Phan Thị Thanh Tuyền phụ trách giải pháp này.

4. Giải pháp thứ tư: Kiểm tra đánh giá công khai chất lượng

Đề việc dạy 2 buổi/ ngày thực sự có hiệu quả, lãnh đạo đơn vị thực hiện tốt vai trò quản lý, chỉ đạo, kiểm tra thường xuyên; đối với giáo viên phải đánh giá được hiệu quả sau từng thời điểm nhất định, công khai rõ cho phụ huynh kết quả chất lượng của học sinh. Phân loại học sinh sau mỗi đợt khảo sát.

Ông: Bùi Văn Quang và Bà Phan Thị Thanh Tuyền phụ trách giải pháp này.

Thành lập Ban Quản lý dạy học 2 buổi/ngày gồm:

| | | |
|-------------------------|-----------------|----------------|
| Ông: Bùi Văn Quang | Hiệu trưởng | Trưởng ban |
| Bà Phan Thị Thanh Tuyền | Phó Hiệu trưởng | Phó trưởng ban |
| Ông: Võ Cảnh Từ | TTCM | Ủy viên |
| Bà: Đoàn Thị Khương | Tổ phó CM | Ủy viên |
| Ông: Nguyễn Hành | TTCM | Ủy viên |
| Bà: Vương Thị Thúy Hằng | Tổ phó CM | Ủy viên |
| Bà: Nguyễn Thị Thành | Kế toán | Ủy viên |
| Ông : Phạm Văn Sơn | TTVP | Ủy viên |

Ban Quản lý dạy học 2 buổi/ngày có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, phân công nhiệm vụ và theo dõi đánh giá việc tổ chức dạy học 2 buổi/ngày.

IV. TỔ CHỨC KIỂM TRA

Kiểm tra việc tổ chức các tiết học ở buổi 2 nhằm đảm bảo giờ học được chuẩn bị chu đáo, được cung cấp đầy đủ các điều kiện dạy học như dạy học chính khóa.

Hiệu trưởng tổ chức kiểm tra thường xuyên hàng tuần, hàng tháng, học kỳ...

Những thành tích cũng như vi phạm trong thời gian học buổi 2 được xem xét để đánh giá, theo qui định; tăng cường kiểm tra đột xuất trong các tiết dạy để rút kinh nghiệm trong công tác giảng dạy cũng như trong công tác quản lý.

Hiệu trưởng có sổ theo dõi nền nếp học tập, giáo dục buổi 2 đầy đủ, đúng qui định.

Lãnh đạo nhà trường, các tổ, bộ phận thực hiện kiểm tra theo nội dung, kế hoạch dạy học 2 buổi/ngày. Cụ thể như sau:

Thực hiện kiểm tra nội bộ nhà trường theo Kế hoạch kiểm tra nội bộ trường trung học cơ sở Nguyễn Trãi.

- Kiểm tra hoạt động của các tổ chuyên môn.
- Kiểm tra hoạt động sư phạm của nhà giáo.
- Kiểm tra việc quản lí và sử dụng thiết bị đồ dùng dạy học.
- Kiểm tra tài chính, bảo vệ tài sản của nhà trường.
- Kiểm tra công tác an ninh trật tự, phòng cháy, chữa cháy.
- Kiểm tra công tác thư viện trường học.

Trên đây là Kế hoạch tổ chức dạy học 2 buổi/ngày năm học 2022 – 2023 của trường THCS Nguyễn Trãi, toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường cam kết chấp hành đúng các quy định trong quá trình tổ chức hoạt động dạy và học 2 buổi/ngày nhằm nâng cao chất lượng dạy học, giáo dục đồng thời đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu học tập của học sinh và nguyện vọng của cha mẹ học sinh./.

Nơi nhận:

- Phòng GDĐT (để báo cáo);
- HT, PHT (để chỉ đạo)
- TTCM, GV, (Thực hiện)
- Lưu: VT, CM.

NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH



Phan Thị Thanh Tuyền

DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG



Bùi Văn Quang